TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 105/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Hoàng Giang**

Ông **Trần Văn Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca -** Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thảo Nguyên -** Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLST-HNGĐ ngày 23/4/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh **Võ Văn Đ**, sinh năm: 1985 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2025 nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ thành hôn với nhau năm 2008, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau). Trong thời gian chung sống chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường cải nhau, vợ chồng sống ly thân tháng 4 năm 2024 đến nay. Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ không thể hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ có 01 người con chung tên Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008, chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu

Tòa án xem xét giải quyết.

Tại tờ tự khai ngày 18 tháng 8 năm 2025 bị đơn anh Võ Văn Đ trình bày:

Anh Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T. Con chung tên Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008 theo ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh Võ Văn Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Con chung giao Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008 cho chị T nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn Đ có nơi cư trú tại xã P, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Văn Đ nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ thành hôn với nhau năm 2008, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau). Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 96/2009 ngày 27/10/2009 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau) cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày trong thời gian chung sống chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường cải nhau, vợ chồng sống ly thân tháng 4 năm 2024 đến nay. Chị T và anh Đ không thể đoàn tụ nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn anh Võ Văn Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Chị Lê Thị T và anh Võ Văn Đ có 01 người con chung tên Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008, chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng của Võ Như Ý vì hiện nay Võ Như Ý

đã đã trên 7 tuổi. Tại bản tự khai ngày 23/4/2025 thể hiện nguyện vọng của Võ Như Ý sống với chị Lê Thị T. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Lê Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, chị T được ly hôn với anh Võ Văn Đ.

Về con chung: Giao Võ Như Ý, sinh ngày 31/3/2008 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, anh Võ Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004058 ngày 23/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C) được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

Võ Minh Luân